

TẠP CHÍ VĂN HỌC

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC

VIỆN VĂN HỌC.
ỦY BAN KHOA HỌC
XÃ HỘI VIỆT NAM

2.1981



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Suy nghĩ về khái niệm « Văn học dân tộc » (★)

TI-BO CƠ-LA-NIC-DAY
(Tibor Klaniczay) (Hung-ga-ri)

TRONG thời đại hiện nay, văn học thế giới hiện ra như một tập hợp, một « thứ giá treo nhiều vũ khí » gồm các nền văn học dân tộc. Nếu người ta đặt câu hỏi: « hiểu thế nào là văn học dân tộc? » thì câu trả lời hình như khá đơn giản. Thường thường người ta xem văn học dân tộc là văn học của một dân tộc, một quốc gia viết bằng ngôn ngữ dân tộc. Thế nhưng khi người ta bắt đầu nghiên cứu vấn đề này, thì nó trở thành phức hợp thêm mãi.

Khi xem xét các sách lịch sử văn học dân tộc khác nhau viết từ thế kỷ vừa qua, người ta nhận thấy rằng các nhà bác học đã qui định các « khuôn khổ » cho những nền văn học ấy, bằng cách áp dụng những nguyên lý rời rạc, lủng củng. Đa số các vị đã lấy ngôn ngữ làm tiêu chuẩn quyết định. Đối với họ, văn học Ý là văn học viết bằng tiếng Ý, văn học Ba Lan là văn học viết bằng tiếng Ba Lan. Thế nhưng đến khi phải nhận định về văn học Mỹ, Bra-xin, v.v... thì họ lại đưa quan điểm địa lý, lãnh thổ lên hàng đầu. Thậm chí có những ví dụ như văn học Áo, ở nước này tình hình có lập về chính trị trong nhiều thế kỷ tạo nên trường hợp để nhận định về văn học dân tộc. Không nghi ngờ gì rằng các dẫn cứ về ngôn ngữ, địa lý, chính trị là rất quan trọng về sự tồn tại của một nền văn học dân tộc. Thế nhưng một dẫn cứ nọ cũng như một dẫn cứ kia không thể đem ra vận dụng được khi cần định nghĩa một cách khái quát hơn quan niệm về văn học dân tộc.

Chúng ta thử xem xét quan điểm ngôn ngữ thường được áp dụng nhiều nhất. Xếp loại các nền văn học căn cứ vào ngôn ngữ hẳn là một việc làm chính đáng, vì tính chất đồng nhất của một ngôn ngữ hàm nghĩa *tiền nghiệm* (a priori) rằng có một mối liên đới nào đó đã đưa đến những kết quả tương tự về thi cú, văn phong, thi pháp. Lấy ví dụ lịch sử văn học viết bằng tiếng la-tinh từ thời đại đế quốc La-mã đến thế kỷ 19 được xem như một thể thống nhất hữu cơ, tuy rằng không ai đánh giá nó là

(★) Bài nói chuyện của Viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học Hung-ga-ri. Viện phó viện văn học Hung-ga-ri Ti-bo Cơ-la-nic-day tại Viện văn học Việt nam ngày 21-2-1981

một nền văn học dân tộc. Người ta có thể nói đến văn học điển đạt bằng tiếng Anh, Pháp, Tây-ban-nha; song những ngôn ngữ ấy ngày nay đã thành những ngôn ngữ thế giới, những ngôn ngữ quốc tế, như vậy thì thể thống nhất về ngôn ngữ không thể nào được xem là một thể thống nhất về dân tộc. Về mặt này, có ý kiến đặc biệt về những nước ở châu Phi, châu Mỹ được giải phóng khỏi ách đô hộ thực dân, mà ở đây trong nhiều trường hợp, văn học đã phát triển nhờ ngôn ngữ của dân tộc thực dân hôm qua, và chính qua ngôn ngữ đó mà văn học sử điển đạt nguyện vọng độc lập của dân tộc bị thống trị. Tính chất đồng nhất rõ rệt và đơn thuần của ngôn ngữ không thể cho phép gộp các tác phẩm văn học đó vào văn học dân tộc Anh, Pháp, Tây-ban-nha.

Quan điểm về địa lý và lãnh thổ càng không thể xem là một tiêu chuẩn quyết định. Văn học Hoa-kỳ được phát triển trên một lục địa khác so với nền văn học Anh tại mẫu quốc, và nếu căn cứ vào sự khác biệt về địa lý ấy mà nhận định thì văn học Hoa-kỳ đã không được xem là một nền văn học dân tộc tự chủ và hùng hậu. Và vì vậy cho nên ở tất cả các nơi trên thế giới, trên tất cả các đảo là những cái «nồi» nảy sinh các tác phẩm văn học bằng tiếng Anh-hệ quả của việc xâm chiếm thuộc địa-người ta lại sẽ thấy nảy nở thêm những nền văn học dân tộc điển đạt bằng tiếng Anh. Mặt khác, nếu nguyên tắc địa lý là nguyên tắc quan trọng nhất, thì lại phải xem văn học Hoa-kỳ và văn học Ca-na-đa bằng tiếng Anh chỉ là một nền văn học dân tộc thôi. Như thế thì chủ nghĩa biệt lập về chính trị (le particularisme politique), nền thống nhất, nền độc lập của quốc gia cũng không thể là những điều kiện chính cho sự tồn tại của một nền văn học dân tộc. Văn học dân tộc của người Ý, cũng như văn học dân tộc của người Đức, đã hình thành từ thời các nước đó còn bị chia cắt về mặt chính trị. Văn học Ba Lan đã có những thời thịnh đạt mặc dù đất nước bị những phen cắt xẻ và chịu sự áp bức nặng nề của những đại cường quốc, còn các nhà văn xuất sắc của Ba Lan trong các thời kỳ ấy lại sống ở nước ngoài. Văn học dân tộc Xlô-vác (1) (Slovaque) cũng đã hình thành vào đầu thế kỷ 19 khi người Xlô-vac còn sống dưới ách áp bức của quốc gia Hung-ga-ri phong kiến và tư bản chủ nghĩa, và chưa được hưởng gì gọi là tự trị về chính thể.

Như vậy thì văn học dân tộc không phụ thuộc một cách máy móc vào các nhân tố ngôn ngữ, địa lý - lãnh thổ hoặc chính trị-quốc gia. Để xích lại gần hơn lời giải đáp cho câu hỏi trên kia, người ta phải xem những nền văn học dân tộc như những thể cấu thành riêng biệt và phức hợp có tính chất lịch sử, như những giai đoạn đã phát triển trong quá trình tiến hóa của các nền văn học. Người ta sẽ làm một việc không bỏ ích khi tán thành ngay, tán thành một cách *tiền nghiệm* một nền văn học nào đó là văn học dân tộc. Đành rằng từ khi xuất hiện văn bản văn học đầu tiên bằng tiếng Tây ban nha, bằng tiếng Nga là đã có một nền văn học Tây ban nha, một nền văn học Nga, nhưng cũng gay go mà bảo vệ được rằng những di tích xa xưa, nguyên sơ ấy sẽ chứng tỏ được là đã có một nền văn học dân tộc Tây ban nha, Nga từ các thuở ấy. Căn cứ vào những tư

(1) Một bộ phận trong nước Tiệp Khắc hiện nay.

điều viết thành văn đầu tiên trên đất Mỹ để bắt đầu bàn đến lịch sử văn học Mỹ cũng là điều chính đáng, nhưng đối với văn học sớm nảy nở trong thời kỳ của chủ nghĩa thực dân lúc bấy giờ, người ta không thể nói đến một nền văn học dân tộc Mỹ. Vì, rốt cuộc, những hiện tượng khởi đầu ấy có thể không có ngày mai. Chỉ duy nhất nhờ vào bước đi riêng biệt của lịch sử, vào hiện tượng các dân tộc trở thành các quốc gia, mà ngày hôm nay những hoa quả đầu mùa nói trên kia có thể được xem như những di tích xa xưa, những mầm mống và tiền đề của nền văn học dân tộc hùng hậu này, kia.

Và người ta phải đi đến kết luận rằng ngược với các tiêu chuẩn ngôn ngữ, địa lý, chính trị, sự tồn tại của một nền văn học dân tộc tùy thuộc trước hết vào những tiêu chuẩn xã hội. Khó mà hình dung được một nền văn học dân tộc khi các mối liên hệ kinh tế còn lâu mới được nhiều mạng lưới trên toàn xã hội, khi mà văn hóa đô thị chưa phát triển, khi mà ý thức về đoàn kết dân tộc còn lâu mới thể hiện ra trong xã hội.

Chỉ duy nhất một xã hội đã phát triển mới có năng lực để tự tạo ra cho mình một cuộc sống văn học bao quát toàn dân tộc, một ý thức văn học có sắc thái dân tộc, và một mối đoàn kết nội bộ mà không có nó thì không một văn học dân tộc nào có thể có được. Sau nữa còn có sự tôn sùng những truyền thống chung của dân tộc, các xu hướng có ý thức nhằm trau dồi những công cụ của văn học và nhằm phát triển các hình thức của những công cụ đó, và cả việc phê bình văn học. Phát triển tất cả đặc thù đó là một việc mà những xã hội pha tạp, thiếu sức mạnh đoàn kết và thiếu ý thức, không làm nổi.

Người ta chỉ cần đặt vấn đề văn học dân tộc trên bình diện tiến hóa xã hội là sẽ hiểu được về một số nền văn học, chẳng hạn văn học xứ Pơ-rô-văng-xơ (2) (Provence) hoặc văn học xứ Ca-ta-lô-nhơ (3) (Catalogne). mỗi nền văn học này đều có ngôn ngữ riêng của nó; thế nhưng các nền văn học ấy, thịnh đạt biết bao ở thời Trung đại, đã teo lại trong thời Phục Hưng là thời mà quốc gia Pháp và quốc gia Tây ban nha hình thành trong khi cả xứ Pơ-rô-văng-xơ và xứ Ca-ta-lô-nhơ đều không tự cấu thành quốc gia tách riêng hoặc quốc gia trong nội địa nước Pháp, hay nước Tây ban nha được. Vào thế kỷ 19 là thời đại hoàng kim của các phong trào dân tộc, các xứ Ca-ta-lô-nhơ và Pơ-rô-văng-xơ có được đợt tiến hóa mới, cống hiến cho thế giới những nhà văn lớn, nhưng vẫn không đi được vào con đường tiến triển thành quốc gia vì thiếu điều kiện sinh lực chủ yếu.

Cuộc tiến triển mà suốt trong thời gian của nó, một nền văn học theo ngôn ngữ nào hoặc của địa phương nào trở thành được một nền văn học dân tộc là cả một quá trình lâu dài và phức hợp, không chịu cho ta định ra những niên đại chính xác. Như vậy, văn học dân tộc là sản phẩm lịch sử, là một giai đoạn chín muồi của cuộc tiến hóa, khi mà tính cách dân tộc đã thể hiện công khai trong văn học. Tính cách dân tộc không gì khác hơn là hệ thống những đặc thù, là toàn bộ những hiện tượng nó phân biệt

(2) Một xứ ở phía Nam lãnh thổ nước Pháp.

(3) Một xứ ở phía Đông Bắc lãnh thổ nước Tây ban nha.

văn học của một dân tộc này so với văn học của những dân tộc khác. Trước đây người ta ưa giải thích các đặc thù dân tộc của văn học cũng như của toàn bộ nền văn hóa bằng cách căn cứ vào một thiên tài dân tộc bất biến, vào một linh hồn dân tộc mà người ta tưởng rằng là vĩnh viễn. Thời kỳ của các quan niệm có tính chất lãng mạn—thần bí và dân tộc chủ nghĩa, đó đã qua rồi, nhưng người ta vẫn không thể phủ nhận sự tồn tại của những đặc thù nó phân biệt một nền văn học dân tộc so với tất cả những nền văn học khác, và những đặc thù đó không phải chỉ thu gọn trong vấn đề ngôn ngữ. Và những nét đặc thù đó thể hiện trong thị hiếu, trong hệ thống đề tài, trong lĩnh vực các kinh nghiệm và đời sống tình cảm, lại thay đổi với thời gian, chuyên hóa và cải biến, tuy rằng chúng vẫn duy trì rất lâu dài những hằng số nào đó. Nhiều nhân tố cùng góp phần tạo nên các đặc điểm của văn học dân tộc: nhân tố địa lý, khí hậu, nhân chủng, ngôn ngữ, lịch sử, xã hội. Vai trò và tầm quan trọng của chúng không đồng đều về tỉ lệ cũng như về cường độ. Quả vậy, vai trò của các dữ kiện thiên nhiên đối với sự hình thành các đặc thù của văn hóa và văn học dân tộc giảm đi song song với sự tách rời của con người đối với thiên nhiên, điều mà những bước tiến bộ của kỹ thuật và văn minh ngày càng làm tăng thêm. Mặt khác, những trạng huống địa lý và tự nhiên giống nhau đều cùng một lúc có ảnh hưởng giống nhau đến văn học của những dân tộc láng giềng, do đó mà những nét được tạo ra trong các nền văn học của các dân tộc đó lại giảm phần cá biệt. Những nhân tố nhân chủng, ngôn ngữ, quan trọng hơn những nhân tố địa lý, thiên nhiên, lại chuyên biến rất nhiều theo lịch sử; chúng trộn lẫn với nhau, đan chõm đan nhánh, kết hợp với nhau. Về mặt này, văn học Hung-ga-ri cung cấp cho chúng ta một ví dụ xác đáng. Vào thời kỳ sơ khai lịch sử của mình, dân tộc Hung-ga-ri, thuộc gốc ngôn ngữ phin-nô u-gơ-riên (4) (finno-ougrienne), đã theo một nền văn hóa du mục có sắc thái Thổ, để rồi sau đó lại sát nhập vào trật tự châu Âu theo Cơ đốc giáo và chế độ phong kiến. Trong khi duy trì nhân chủng và ngôn ngữ của mình, dân tộc Hung-ga-ri tạo ra được một nền văn học về căn bản khác biệt với các họ hàng nhân chủng và ngôn ngữ trước kia của mình. Và sự thay đổi đó là hệ quả của cuộc tiến hóa xã hội của dân tộc Hung-ga-ri khác với cuộc tiến hóa mà các dân tộc kia phải trải qua. Như vậy, trong suốt thời gian của lịch sử mình, con đường riêng biệt một dân tộc đi qua là điều được phản ánh chính trong tính chất dân tộc của văn học, trong đặc thù dân tộc của văn học. Và đó là nhân tố phát triển ra các nét đặc trưng. Quả vậy, có những dân tộc cùng nói một ngôn ngữ, cùng sống trong những trạng huống địa lý và tự nhiên giống nhau, nhưng trên thế giới, không hề có hai dân tộc cùng một cấu trúc xã hội như nhau và cùng đi một con đường lịch sử giống nhau.

Sau những điều xem xét này, tôi muốn — không phải định nghĩa — mà chỉ đóng khung trong một giới hạn nào, cái mà tôi hiểu đó là văn học dân tộc. Văn học dân tộc là văn học thỏa mãn được các yêu cầu của một xã hội dân tộc đã phát triển, và phản ánh cuộc sống và sự việc của xã

(4) Nhóm ngôn ngữ thuộc Phần lam, Xi-bia-ri-e, Hung-ga-ri.

hội đó, và không tùy thuộc vào tình hình trong đó xã hội dân tộc ấy hình thành một quốc gia tự trị hay không. Văn học dân tộc căn cứ vào một ngôn ngữ thống nhất hóa vượt lên trên các thổ ngữ, nhưng điều này không ngăn cấm những văn học dân tộc khác phát triển cùng với ngôn ngữ ấy. Nhờ vào những trường hợp địa lý và nhân chủng, và đặc biệt là nhờ vào cuộc tiến hóa riêng biệt của xã hội dân tộc mình mà văn học dân tộc có những nét đặc thù phân biệt nó với các văn học dân tộc khác và làm nổi bật tính chất dân tộc của chính nó. Văn học dân tộc là một cơ thể riêng, có những quy luật năng động riêng, phần nào khác biệt so với cuộc tiến hóa chung của văn học. Văn học dân tộc có những truyền thống riêng, nó sản sinh ra một ý thức văn học riêng cùng một trật tự về những giá trị riêng nội tại.

Văn học dân tộc là kết quả của một cuộc tiến hóa lịch sử lâu ngày. Nó báo cho biết mức độ đã hoàn mỹ của một nền văn học có lập trong một ngôn ngữ hay một vùng đất nào, cũng như giai đoạn trưởng thành trong lịch sử của nền văn học đó.

Khi người ta thử định nghĩa khái niệm văn học dân tộc bằng cách vận dụng phương pháp lịch sử này, tức là quy một tầm quan trọng lớn lao cho cuộc tiến hóa của xã hội, người ta lại đi đến những hệ quả khác nữa và sau đó lại đặt những câu hỏi quan trọng khác.

Những nhà văn nào, những tác phẩm nào thuộc nền văn học nào? Những lịch sử văn học dân tộc phải chứa đựng nội dung gì? Dễ dàng trả lời các câu hỏi đó nếu chính nhà văn tự khẳng định mình thuộc một dân tộc duy nhất nào hoặc thuộc nền văn học dân tộc nào và nói rõ trong các tác phẩm của mình. Nhưng điều này chỉ xảy ra trong những xã hội dân tộc đã phát triển, nghĩa là vào khi mà trong cuộc tiến hóa của mình, văn học đã đạt đến giai đoạn thật sự là dân tộc. Trong các nền văn học của Tây Âu kể từ thời Phục Hưng (thế kỷ 16), của Đông Âu kể từ thế kỷ 19, thì trong việc nhận định nhà văn này hay nhà văn kia thuộc lịch sử văn học này hoặc lịch sử văn học khác, rất ít khi phải đặt ra thành những vấn đề cần giải quyết. Nhưng về những thời kỳ trước lúc hình thành dứt khoát văn học dân tộc, thì giải quyết hẳn được điểm này là khó khăn hơn nhiều.

Ở châu Âu thời Trung đại, đối với thế giới theo Cơ đốc giáo thì ngôn ngữ văn học là tiếng la-tinh, còn đối với các dân tộc theo Cơ đốc giáo phương Đông (Hy Lạp-chính thống) thì lại là cổ ngữ Xla-vơ (Slave) của giáo hội. Do đó mà trong khi viết lịch sử của nền văn học này hoặc của nền văn học kia thuộc xã hội thời Trung đại, không thể gạt bỏ ra khỏi xã hội hữu quan những tác phẩm văn học bằng tiếng la-tinh hay bằng cổ ngữ Xla-vơ của giáo hội. Mà người ta còn phải khẳng định rằng lịch sử các nền văn học châu Âu bắt đầu với những tác phẩm viết bằng các ngôn ngữ bác học và phổ quát đó.

Về mặt này, xem xét trường hợp của văn học cổ bằng tiếng la-tinh của Hung-ga-ri là việc làm rất bổ ích. Muốn hiểu rõ các sự vật, thì phải biết rằng nước Hung-ga-ri cổ không khớp với lãnh thổ của nước Hung-ga-ri hiện nay. Cho đến cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, Hung-ga-ri-

là một nước rộng hơn nhiều gồm nhiều vùng có những người Cơ-rô-at (Croates), người Xlô-vac (Slovaques), người Đức, người Ru-ma-ni ở. Thời Trung đại, quốc gia đa dân tộc này cũng tự kiến toàn được thành một cơ cấu chính trị lâu bền và một "xã hội Hung-ga-ri" đã nảy sinh, mặc dù trong nước có tình trạng nhân dân nói nhiều thứ ngôn ngữ. Các khuôn khổ quốc gia, khuôn khổ chính trị, phong kiến tỏ ra là những công cụ thống nhất hóa các dân tộc khác nhau trong đó các nhà văn-gốc Hung-ga-ri hoặc gốc khác - đều làm việc không phải trong khuôn khổ dân tộc mà lại trong khuôn khổ quốc gia phong kiến hoặc thuộc giáo hội, và vì vậy, lối suy tư của họ do các khuôn khổ này quyết định. Một nền văn học bằng tiếng la-tinh đã nảy sinh, sản phẩm chung của các dân tộc sống trên lãnh thổ của nước Hung-ga-ri cũ, nền văn học đó là dấu báo hiệu và là di sản văn hóa chung cho những nền văn học sau này sẽ bắt rễ trên cùng lãnh thổ quốc gia đó.

Không chỉ ngôn ngữ của nền văn học ấy « của Hung-ga-ri » được thống nhất do sử dụng tiếng la-tinh, mà các nhà văn thuộc những dân tộc khác nhau cũng biểu hiện một ý thức quốc gia chung. Ngoài những dân tộc bản địa, còn có những nhà văn gốc Đức, Ý, v.v.. lập nghiệp ở trên đất này, cũng hoàn toàn nhất thể hóa với các khuôn khổ của nền văn học Hung-ga-ri đó. Về suốt thời Trung đại, không thể tìm ra được một sự khác biệt nhỏ nhất nào về phương diện « dân tộc » giữa những quan niệm của một sử gia biên niên gốc Hung-ga-ri, một nhà văn giáo hội Đức phò tá các vua chúa Hung-ga-ri, một vị bác học cổ điển Cơ-rô-át trong lúc phục vụ quốc gia Hung-ga-ri hoặc một sử gia Ý phục dịch vua Ma-chi-át Cooc-vanh (Mathias Corvin) (1458-1490). Không người nào trong số nhà văn, nhà viết sử nói trên, biểu hiện những nguyện vọng dân tộc. Phục vụ một quốc gia phong kiến hoặc một triều đại, các nhà văn này diễn đạt một thứ chủ nghĩa yêu nước « quốc gia » tương ứng với hoàn cảnh. Trường hợp của Gia-nut Pan-nô-ni-ut (Janus Pannonius) (1434-1472) minh họa rõ nét luận thuyết này. Nhà thơ này gốc Cơ-rô-at (Croate) thuộc Hung-ga-ri, đã trở thành người Ý trong thời gian 12 năm sống ở Ý, tại đây ông ta bắt đầu hoạt động văn học, để về sau trở thành giám mục địa phận Péc (Pécs) ở Hung-ga-ri, rồi phò tể tướng (...của vua Ma-chi-at Cooc-vanh...) tức là một vị đại lãnh chúa Hung-ga-ri. Ông ta không suy nghĩ gì theo các phạm trù dân tộc nên những thay đổi trên không thành một vấn đề gì dù nhỏ nhất đối với ông ta. Ông không viết bằng tiếng Hung-ga-ri, cũng không viết bằng tiếng Cơ-rô-át hay tiếng Ý, mà chỉ viết bằng tiếng la-tinh. Ông không tự coi mình là thuộc gốc Cơ-rô-at, hoặc Hung-ga-ri, hoặc Ý, mà tự xem mình thuộc gốc « pan-nô-ni-ut » (pannonius), tức là rập theo lối gọi cũ gốc La-mã của các nhà cổ điển học đối với lãnh thổ nước Hung-ga-ri.

Có thể nào nói ông ta thuộc một nền văn học duy nhất nào thời? Hẳn là không. Tác phẩm của ông đi vào trong dòng lịch sử văn học Hung-ga-ri cũng như trong dòng văn học Cơ-rô-at, thậm chí chút ít vào trong dòng văn học Ý và hoàn toàn vào trong dòng lịch sử tân la-tinh quốc tế. Phải quan sát bằng cùng một cách ấy đối với đa số các đại diện văn học bằng tiếng la-tinh ở Hung-ga-ri. Nhà cổ điển học gốc Ý Áng-tô-ni-ô

Bông-phi-ni (Antonio Boafini) (1427 - 1503) đã viết tác phẩm chính của mình tại Hung-ga-ri, không thể bị loại trừ ra khỏi lịch sử văn học Ý. Mà lịch sử văn học Hung-ga-ri cũng không thể gạt bỏ ông ta vì tác phẩm đồ sộ của ông ta đã viết về lịch sử nước Hung-ga-ri nhằm phò tá vua Mat-chi-a, đã trở thành nền tảng của toàn bộ lịch sử dân tộc Hung-ga-ri. Để nêu một ví dụ khác, tôi xin dẫn trường hợp về một trong các nhà bác học lớn của Hung-ga-ri thế kỷ 18, ông Ma-ty-at Ben (Matyas Bél) (1684 - 1749) gốc một nửa Hung-ga-ri, một nửa Xlô-vac, về sau là mục sư Đức tại Pôt-xo-ny (Pozsony), ngày nay là Bơ-ra-tít-sla-va (Bratislava) - suốt trong một phần lớn cuộc đời ông ta. Ông là một nhà nghiên cứu nhiệt tình về các vấn đề ngôn ngữ Hung-ga-ri và Xlô-vac, nhà khảo sát căn mẫn về quá khứ và nguồn gốc lịch sử của hai dân tộc này trong tổ quốc của ông. Có thể nào xem ông ta duy nhất là nhà văn Xlô-vac hay duy nhất là nhà văn Hung-ga-ri? Cái mà thời ông ta chưa phân biệt về phương diện dân tộc, cái mà xem là di sản chung cho nhiều dân tộc thì hậu thế không nên đánh giá là sở hữu riêng của dân tộc này hay của dân tộc kia.

Tất cả những gì được diễn dẫn trên không tự giới hạn trong phạm vi văn học bằng tiếng la-tinh, vì rằng thậm chí đối với những nhà văn viết bằng tiếng mẹ đẻ, ta cũng không thể luôn luôn làm công việc phân biệt được một cách chắc chắn. Sau đây là những ví dụ cũng thuộc về nước Hung-ga-ri gồm nhiều dân tộc. Nhà viết văn xuôi Gat-pa Hen-tai (Gaspar Heltai) (mất 1574) suốt đời tuyên bố một cách có ý thức, mình là gốc người Đức, đến tuổi 40 mới học tiếng Hung-ga-ri. Thế nhưng, với tác phẩm của mình, ông ta đã trở thành bậc thầy về văn xuôi bằng tiếng Hung-ga-ri thế kỷ 16. Ông Pê-te Be-nik-ky (Peter Beniczky) (1603 - 1664) sống vào giữa thế kỷ 17 vừa là một nhà thơ Hung-ga-ri vừa là một nhà thơ Xlô-vac. Một nhà thơ đồng thời với ông ta, tức nhà thơ Da-nốt Ca-dô-ni (Janos Kajoni) tự tuyên bố mình là gốc Ru-ma-ni, nhưng lại chỉ viết bằng tiếng Hung-ga-ri và tiếng la-tinh.

Từ những ví dụ trên, tôi nghĩ rằng người ta có thể rút ra kết luận là cho đến khi hình thành phong trào dân tộc, người ta sẽ phạm sai lầm nếu áp đặt lên các nền văn học những tiêu chuẩn của một nền văn học dân tộc phát triển. Trước lúc và trong thời gian hình thành các nền văn học dân tộc, các nhà văn và tác phẩm của họ thường là bộ phận của cuộc tiến triển cùng một lúc của nhiều nền văn học. Văn học dân tộc không phải là một bản kiểm kê trong đó người ta sát nhập vào hoặc loại trừ ra khỏi đó những nhà văn và những tác phẩm văn học nào, mà nó là một cơ thể phát triển trong suốt lịch sử và thay đổi theo tâm vóc của lịch sử.

(TRẦN ĐĂNG dịch)